

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÒN ĐẤT  
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 117/2024/DS-ST

Ngày: 20-9-2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng dân sự  
vay tài sản.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Quyên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Hồng Gái

2. Ông Giang Thành

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Mộng Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Không tham gia.

Trong ngày 20 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 224/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2024/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 81/2024/QĐST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kiều D, sinh năm: 1979. Địa chỉ: Tổ A, ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Hồ Kim S, sinh năm 1988 và ông Trần Văn S1, sinh năm 1979. Địa chỉ: Tổ H, khu phố Đ, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều D trình bày tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa như sau:**

Vào ngày 18/02/2020 thì chị D có cho vợ chồng chị S, anh S1 vay tiền với số tiền là 208.000.000 đồng với lãi suất là 3%/tháng và thỏa thuận 06 tháng trả lãi một lần, phương thức trả nợ là trả bằng tiền mặt, khi đi vay thì chị S, anh S1 có nói là đi vay để phục vụ cho mục đích làm ruộng và làm máy cày, máy cắt trong gia đình. Từ khi vay thì vợ chồng chị S, anh S1 có trả cho chị D số tiền gốc là 58.000.000 đồng, vào khoảng năm 2023 thì chị S có yêu cầu khởi kiện yêu cầu phân chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn thì chị D có yêu cầu khởi kiện độc lập trong vụ án này, quá trình giải quyết chị S cũng thừa nhận là nợ chung của vợ chồng và yêu cầu Tòa án giải quyết, nhưng sau đó chị S rút đơn khởi kiện nên chị D cũng rút đơn khởi kiện, sau đó một thời gian chị S trả thêm được cho chị số tiền gốc là 30.000.000 đồng nhưng không trả lãi. Chị D nhiều lần đến đòi nợ nhưng vợ chồng chị S2, anh S1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho chị D số tiền còn nợ là 120.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Kiều D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Hồ Kim S và anh Trần Văn S1 phải trả cho chị số tiền vay gốc còn nợ là 120.000.000 đồng. Bà D không yêu cầu tính lãi.

*\* Bị đơn anh Trần Văn S1 và chị Hồ Kim S:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh S1, chị S nhưng anh chị đều vắng mặt, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa anh Trần Văn S1 và chị Hồ Kim S vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Tòa án nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Chị Nguyễn Thị Kiều D có đơn khởi kiện yêu cầu anh Trần Văn S1 và chị Hồ Kim S phải trả cho chị D số tiền vay gốc, bị đơn anh S1, chị S có nơi cư trú tại Tổ H, khu phố Đ, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ theo quy định tại khoản 3, Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp phát sinh giữa hai bên là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

[2] *Về tố tụng:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn anh S1 và chị S, nhưng anh S1 và chị S vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và

khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] *Về nội dung:*

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Kiều D, Toà án nhận thấy:

Vào năm 2020, giữa chị D và chị S, anh S1 có thỏa thuận về việc vay tiền với nhau. Chị X, anh S3 vay tổng cộng với số tiền là 208.000.000 đồng, hai bên có làm biên nhận đề ngày 18/2/2020, nội dung thỏa thuận lãi là 3%/tháng, trả lãi 6 tháng/lần, thanh toán tiền mặt, biên nhận do chị S ký tên và ghi rõ họ tên. Trong thời gian vay thì chị S, anh S1 đã trả được cho chị D số tiền gốc là 88.000.000 đồng, hiện tại còn nợ chị D số tiền gốc là 120.000.000 đồng. Tại Tòa án, chị D cung cấp bản gốc biên nhận ngày 18/2/2020 có chữ ký và chữ viết của chị S.

Căn cứ Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự thì: *“Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”*. Tuy nhiên, chị S, anh S1 không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như xác định trách nhiệm đối với khoản nợ chị S, anh S1 nợ nguyên đơn như trong biên nhận ngày 18/2/2020 hoặc có ý kiến phản đối lời trình bày của nguyên đơn và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết. Ngoài ra, Tòa án cũng ra thông báo yêu cầu chị S, anh S1 cung cấp tài liệu, chứng cứ trong trường hợp anh chị không đồng ý với biên nhận mà nguyên đơn cung cấp thì có quyền làm đơn giám định chữ ký và tổng đạt trực tiếp cho anh S1 nhưng chị S, anh S1 cũng không có ý kiến hay văn bản gửi cho Tòa án. Như vậy, chị S, anh S1 đã mặc nhiên thừa nhận các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án là hợp pháp, mặt khác theo đơn khởi kiện về việc phân chia tài sản sau khi ly hôn của chị Hồ Kim S vào ngày 05/9/2023 thì chị S cũng xác nhận nợ chung của anh chị gồm có nợ chị D số tiền là 150.000.000 đồng, số tiền này dùng vào thuê đất canh tác của gia đình, tại phiên tòa chị D cũng xác nhận trước đây chị D yêu cầu vợ chồng chị S, anh S1 trả số tiền này cho chị D nhưng sau đó chị D rút đơn khởi kiện không yêu cầu Tòa giải quyết nữa, sau khi rút đơn chị S, anh S1 trả thêm cho chị được một số tiền nên hiện tại chị S, anh S1 chỉ còn nợ là 120.000.000 đồng, do đó chị mới khởi kiện tiếp tục yêu cầu vợ chồng chị S, anh S1 thanh toán số tiền này cho chị D. Vì vậy, có căn cứ xác định chị S, anh S1 có vay của chị D số tiền vay gốc là 120.000.000 đồng, Tòa án xét thấy việc chị D cho chị S, anh S1 vay tiền là sự

thỏa thuận và giao kết hoàn toàn tự nguyện giữa các bên, không trái đạo đức xã hội và không vi phạm điều cấm của pháp luật, tại thời điểm cho vay tiền giữa các bên có làm giấy biên nhận nhưng không có thỏa thuận thời gian trả, do đó căn cứ theo quy định tại các Điều 463 và 469 Bộ luật Dân sự năm 2015, xác định hợp đồng vay tiền giữa chị D với chị S, anh S1 là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn và yêu cầu khởi kiện của chị D đối với số tiền vay gốc nêu trên là có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu về lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị D không yêu cầu lãi suất, trong quá trình giải quyết vụ án chị S, anh S1 không có ý kiến bằng văn bản để xác định giữa hai bên có thỏa thuận lãi suất hay không, số tiền lãi đã đóng là bao nhiêu, do đó Hội đồng xét xử không xem xét về lãi suất.

Từ những nhận định trên, căn cứ Điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, Tòa án xét thấy yêu cầu của chị D là có cơ sở chấp nhận, nên buộc chị S, anh S1 phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho chị D với tổng số tiền gốc là 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng) là phù hợp.

[4] *Án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của chị D được Tòa án chấp nhận nên buộc chị S, anh S1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 120.000.000 đồng x 5% = 6.000.000 đồng. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho chị D theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 26, 147, 227, 228, 244, 266 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kiều D.
2. Buộc anh Trần Văn S1, chị Hồ Kim S phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Kiều D số tiền vay gốc là 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng). Về lãi suất: Chị D không yêu cầu nên không xem xét.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể

từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Văn S1, chị Hồ Kim S có nghĩa vụ nộp án phí là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).

Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Kiều D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) theo biên lai thu số 0001141 ngày 29/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận :**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Hòn Đất;
- Chi cục THA Dân sự huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan**

**Thị Quyên**

